

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/4/2019.

Về việc: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Thành Thái

2/. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên toà: Không

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Tám Ngàn, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Lương Văn H**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Tám Ngàn, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Lương Văn H được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2004. Sau đó anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/10/2005. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm

sống, anh H thường xuyên sử dụng rượu bia rồi sau đó đánh đập vợ, ghen tuông vô cớ. Chị Đ đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H vẫn không thay đổi, hiện tại anh chị đã ly thân hơn 06 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 02 người con chung là cháu Lương Thanh Phương, sinh ngày 17/5/2005 và cháu Lương Kim Nhã, sinh ngày 10/02/2007. Ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Lương Văn H trình bày như sau:*

Anh H và chị Đ được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/10/2005 là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Đ cho rằng anh H thường xuyên sử dụng rượu bia, sau đó có đánh đập vợ con là đúng nhưng nguyên nhân dẫn đến việc này là do chị Đ cứ đi đêm thường xuyên không có mặt tại nhà để lo lắng cho con cái, anh H đã nhắc nhở nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, nên đôi khi quá nóng anh có đánh vợ. Tuy vậy nhưng anh H vẫn còn thương vợ con nhiều nên việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý do anh không muốn các con thiếu thốn tình cảm gia đình.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, phía anh H trình bày nếu chị Đ cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Bởi vì nếu chung sống với nhau hai anh chị cũng không còn tình cảm nữa.

- Về con chung: Anh H và chị Đ có hai con chung như chị Đ trình bày là đúng. Hiện tại các con vẫn chung sống với anh chị tại nhà chung. Tại phiên tòa anh H đồng ý giao các con chung cho chị Đ tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình chị Trần Thị Đ và anh Lương Văn H. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Đ và anh Lương Văn H là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/10/2005. Quá trình chung sống giữa chị Đ và anh H phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa, có khi xô xát với nhau. Nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc yêu cầu được ly hôn với anh H của chị Đ là có cơ sở để được chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của chị Đ, chị và anh H chung sống với nhau nhưng thường xuyên cãi vã, do anh H thường xuyên sử dụng rượu bia, ít lo lắng cho gia đình và còn có hành động bạo lực với chị, việc này anh H cũng thừa nhận. Bên cạnh đó chị Đ và anh H đều trình bày hiện nay anh chị đã sống ly thân hơn nửa năm nay, anh chị tuy vẫn còn chung sống chung nhà nhưng anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa. Chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay anh H đồng ý ly hôn với chị Đ. Do đó HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H đều thừa nhận giữa anh chị có 02 người con chung tên Lương Thanh Phương, sinh ngày 17/5/2005 và Lương Kim Nhã, sinh ngày 10/02/2007. Ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao các con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Bởi lẽ, từ khi sinh ra đến nay chị Đ là người trực tiếp chăm sóc các con. Với tình yêu thương của người mẹ thì việc giao các con

cho chị Đ sẽ giúp các cháu phát triển toàn diện về mọi mặt. Đồng thời việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con (Theo bản tự khai của Phương và Nhã). Mặt khác, theo lời trình bày của anh H, nếu các con muốn sống với chị Đ thì chị Đ sẽ chăm sóc nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó việc giao các con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị Đ và các con. Tại phiên tòa hôm nay, anh H cũng đồng ý giao các con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh H, giao các con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Trần Thị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[5] Về nợ chung: Các bên đều trình bày không có nợ ai hoặc cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Đ với anh Lương Văn H.

2/. Về con chung : Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lương Văn H. Giao cháu Lương Thanh Phương, sinh ngày 17/5/2005 và cháu Lương Kim Nhã, sinh ngày

10/02/2007 cho chị Trần Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Lương Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị Đ không yêu cầu.

Anh Lương Văn H có quyền được c thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung : các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002165 ngày 06/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Trần Thị Đ không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An